

Bản án số: 26/2020/HS-ST

Ngày: 10-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lược;
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2020/TLST-HS ngày 10/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HS ngày 20/8/2020, đối với bị cáo:

Lê Thị Xuân M, sinh ngày 08/5/1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 33, Khu dân cư ấp AT, xã BT, huyện L, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư ấp AL B, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết N; Chồng Lê Văn T và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh tháng 4/2020; Tiền sự: Ngày 10/02/2020, bị Công an xã BT xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã nộp phạt vào ngày 25/3/2020; Tiền án: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 20/8/2020; Bị cáo đang được tại ngoại. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 92, ấp AT, xã BT, huyện L, tỉnh Đ; (vắng mặt)
2. Anh Trần Thanh P, sinh ngày 01/4/2002; Địa chỉ: Ấp BL, xã BT, huyện L, tỉnh Đ; (vắng mặt)
3. Anh Đoàn Phúc T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Số 573A, ấp AH, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Xuân M là đối tượng nghiện ma túy, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng không chịu sửa đổi bản thân mà tiếp tục tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ ngày 03/3/2020, M đến bệnh viện H tại thành phố L, tỉnh A để thăm người thân. Khi về M mua ma túy đá của một người thanh niên (không rõ tên và địa chỉ) với giá 500.000 đồng rồi để vào trong túi áo khoác và thuê xe ôm đi về nhà. Khi về đến nhà tại số 117B, ấp Bình An, xã BT, huyện L, tỉnh Đ, M cất giấu ma túy ở trong phòng ngủ của mình. Đến khoảng 09 giờ ngày 04/3/2020, Nguyễn Anh D ngụ cùng địa phương với M (là bạn của M, thường đến nhà M chơi và là đối tượng nghiện ma túy) đến nhà Mai chơi, do biết D cũng nghiện ma túy nên M lấy ma túy đã mua cùng sử dụng với D tại phòng ngủ của mình. Trong lúc đang sử dụng ma túy, thì Công an huyện L và Công an xã BT kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ: 01 (một) bịch ny long hờ một đầu bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng đang để trên nệm trong phòng của M; 01 (một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng trái phép chất ma túy và 01 (một) bịch ny long hờ một đầu được niêm phong trong bao thư theo quy định.

Tại biên bản nhận dạng ngày 04/3/2020, Lê Thị Xuân M xác định: 01 (một) bịch nylon hờ một đầu bên trong có chứa những hạt tinh thể rắn được thu giữ trên nệm trong phòng ngủ khi bắt quả tang là ma túy của M mua về cất giấu để sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 195/KL-KTHS ngày 06/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp xác định: Tinh thể chứa trong một bịch nylon màu trắng hờ một đầu, được niêm phong trong bao thư gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 10,302gam, loại Methamphetamine.

- Lần thứ hai: Do M đang mang thai nên sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can và cấm đi khỏi nơi cư trú đối với M để điều tra làm rõ vụ án. Trong thời gian được tại ngoại, M không chịu năn hối cải mà tiếp tục mua ma túy về sử dụng, cụ thể như sau: Vào khoảng 01 giờ ngày 29/3/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên M một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67K9-7411 từ nhà đến chân cầu V bên bờ thuộc địa phận quận T, thành phố C để mua ma túy của một người tên P1 (không rõ tên và địa chỉ) về sử dụng. Khi thấy P1, M hỏi mua 200.000 đồng ma túy thì P đưa cho M 03 bịch ma túy được hàn kín bên trong có chứa những hạt tinh thể màu trắng. Khi về đến nhà, M để 03 bịch ma túy vào trong hộp đựng mắt kính để trên kệ bếp. Đến khoảng 03 giờ, Trần Thanh P và Đoàn Phúc T (ngụ cùng địa phương với M) đến nhà thì M lấy một bịch ma túy ra cùng sử dụng chung với T, còn P không sử dụng ma túy mà đi ngủ. Đến khoảng 10 giờ sáng cùng ngày, khi Công an huyện L phối hợp với

Công an xã BT tiến hành kiểm tra nhà của M thì M lấy hộp mắt kính bên trong có hai bịch ma túy còn lại đổ vào bồn cầu nhưng bị lực lượng Công an ngăn chặn, nên M liền ném cái hộp nào vào góc nhà vệ sinh thì bị bắt quả tang và thu giữ: 01 (một) chai nhựa hiệu C2, được gắn hai ống hút, 01 (một) ống bằng nhựa, 01 (một) ống bằng thủy tinh và 02 (hai) bịch nylon bên trong có chứa những hạt tinh thể màu trắng được niêm phong theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 421/KL-KTHS ngày 20/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ xác định: Tinh thể chứa trong hai bịch nylon màu trắng hở một đầu, được niêm phong trong bao thư gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,264gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với việc thu giữ các vật chứng và các kết luận giám định nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSLVo ngày 07/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Lê Thị Xuân M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b, g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm, quyết định truy tố Lê Thị Xuân M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b, g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng b, g khoản 2 Điều 249; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Thị Xuân M mức hình phạt từ 06 (sáu) năm tù đến 07 (bảy) năm tù; Không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tuyên tịch thu và tiêu hủy: Tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư được niêm phong bì, ghi “Niêm phong số 206, ngày 04/3/2020”, có đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ và các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Trần Thị Ý N, Nguyễn Minh T và Lê Thị Xuân M; Tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư được niêm phong bì, ghi “Niêm phong số 436, ngày 15/5/2020”, có đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ và các chữ ký ghi họ tên: Võ Thị Thùy T, Lê Thanh B, Trần Ngọc M và Lê Thị Xuân M; 01 (một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng trái phép chất ma túy; 01 (một) chai nhựa C2, được gắn hai ống hút, 01 (một) ống bằng nhựa và 01 (một) ống bằng thủy tinh, do liên quan đến việc phạm tội.

Đối với Nguyễn Anh D và Đoàn Phúc T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng không biết M tàng trữ trái phép chất ma túy, nên Tòa án nhân dân huyện L đã ra Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc đối với D và giao cho Công an huyện L xử phạt vi phạm hành chính đối với T.

Tại phiên tòa, bị cáo M đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tranh luận gì với Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Với hành vi của bị cáo Lê Thị Xuân M thực hiện như nội dung vụ án đã trình bày ở trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Vấn đề này, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:”*. Theo đó, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, đê trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất giấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người,...) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy; thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc định tội.

Tại điểm b, g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *“Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: b) Phạm tội 02 lần trở lên; g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam”*.

Theo đó, lần thứ nhất vào ngày 03/3/2020, bị cáo M có hành vi cất giấu ma túy trong phòng ngủ, thì bị lực lượng Công an phát hiện và bắt quả tang vào ngày 04/3/2020, kết quả giám định là loại Methamphetamine, có khối lượng 10,302 gam; lần thứ hai vào ngày 29/3/2020, bị cáo M tiếp tục có hành

vi cất giấu ma túy trong hộp đựng mắt kính và để trên kệ bếp, thì bị lực lượng Công an phát hiện và bắt quả tang, kết quả giám định là loại Methamphetamine, có khối lượng 0,264 gam.

Như vậy, hành vi của bị cáo M đã thỏa mãn dấu hiệu về mặt khách quan của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo M đã khai nhận hành vi thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo M phù hợp với lời khai của bị cáo và những người làm chứng tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản nhận dạng ngày 04/3/2020, các kết luận giám định ngày 06/3 và 20/5/2020, các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết ma túy là chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép. Điều này được thể hiện thông qua việc bị cáo M đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 10/02/2020 và ngày 03/3/2020 bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can cùng ngày 12/3/2020. Thế nhưng, vì ý thức xem thường pháp luật và để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện, bất chấp hậu quả. Tổng khối lượng chất ma túy mà bị cáo tàng trữ, cất giấu hai lần là 10,566 gam loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo M là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến việc độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy ở tất cả các khâu của quá trình quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Đồng thời, ma túy còn là chất gây nghiện nguy hiểm, không chỉ làm suy kiệt về kinh tế, sức khỏe của người nghiện mà còn có thể làm hạn chế hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của người nghiện. Hơn nữa, ma túy còn là mầm mống lan truyền các căn bệnh xã hội và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Thị Xuân M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, với tình tiết định khung, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, bản Cáo trạng số 28/CT-VKSLVo ngày 07/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, xét thấy bị cáo đang nuôi 03 con nhỏ và có 02 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là dấu hiệu định khung hình phạt, nên không được coi là tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cho nên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, về nhân thân bị cáo có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an xã BT, huyện L xử phạt 750.000 đồng, mặc dù đã nộp phạt vào ngày 25/3/2020, nhưng tính đến nay vẫn chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2014 và 2017.

Vì vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, phạm tội không có tính chất vụ lợi, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư được niêm phong bì, ghi “Niêm phong số 206, ngày 04/3/2020”, có đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ và các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Trần Thị Ý N, Nguyễn Minh T và Lê Thị Xuân M và tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư được niêm phong bì, ghi “Niêm phong số 436, ngày 15/5/2020”, có đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ và các chữ ký ghi họ tên: Võ Thị Thùy T, Lê Thanh B, Trần Ngọc M và Lê Thị Xuân M là chất thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ. Đối với 01 (một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng trái phép chất ma túy; 01 (một) chai nhựa C2, được gắn hai ống hút, 01 (một) ống bằng nhựa và 01 (một) ống bằng thủy tinh, do liên quan đến việc phạm tội. Do đó, cần

tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích nêu trên, cho thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết tội và không thuộc trường hợp không phải nộp hoặc được miễn án phí theo quy định tại các điều 11, 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, nên bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b, g khoản 2 Điều 249; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Xuân M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Xuân M 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ Tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư được niêm phong bì, ghi “Niêm phong số 206, ngày 04/3/2020”, có đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đ và các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Trần Thị Ý N, Nguyễn Minh T và Lê Thị Xuân M;

+ Tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư được niêm phong bì, ghi “Niêm phong số 436, ngày 15/5/2020”, có đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ

thuật hình sự - Công an tỉnh Đ và các chữ ký ghi họ tên: Võ Thị Thùy T, Lê Thanh B, Trần Ngọc M và Lê Thị Xuân M;

+ 01 (một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng trái phép chất ma túy;

+ 01 (một) chai nhựa C2, được gắn hai ống hút, 01 (một) ống bằng nhựa và 01 (một) ống bằng thủy tinh.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Xuân M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lập Vò;
- Chi cục THADS huyện Lập Vò;
- CQCSĐT Công an huyện Lập Vò;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Lập Vò;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thành Nhân